

NHỮNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC THÁNG 2 NĂM 2021

1. Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức có hiệu lực ngày 15/02/2021

Điều 10 Nghị định này Quy định thời hạn của giấy phép lao động, cụ thể như sau:

“ Thời hạn của giấy phép lao động được cấp theo thời hạn của một trong các trường hợp sau đây nhưng không quá 02 năm:

1. Thời hạn của hợp đồng lao động dự kiến sẽ ký kết.
2. Thời hạn của bên nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam.
3. Thời hạn hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài.
4. Thời hạn hợp đồng hoặc thỏa thuận cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài.
5. Thời hạn nêu trong văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.
6. Thời hạn đã được xác định trong giấy phép hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.
7. Thời hạn trong văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thành lập hiện diện thương mại của nhà cung cấp dịch vụ đó.
8. Thời hạn trong văn bản chứng minh người lao động nước ngoài được tham gia vào hoạt động của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam.
9. Thời hạn trong văn bản chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài trừ trường hợp không phải thực hiện báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định này.”

Toàn văn Nghị định:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202215

2. Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực ngày 01/01/2021.

Nghị định này sửa đổi, thay thế các Biểu mẫu tại Phụ lục I, Phụ lục V và Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Toàn văn Nghị định:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202317

3. Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 có hiệu lực ngày 15/02/2021

Điều 3 Quyết định này quy định các tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù như sau:

“1. Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn là dân tộc thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Quyết định này và đáp ứng 01 trong các tiêu chí sau:

a) Có tỷ lệ hộ nghèo lớn hơn từ 1,5 lần trở lên so với bình quân chung tỷ lệ hộ nghèo của 53 dân tộc thiểu số;

b) Có tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông lớn hơn 1,5 lần so với bình quân chung tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông của 53 dân tộc thiểu số;

c) Có tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi lớn hơn 1,5 lần so với bình quân chung tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi của 53 dân tộc thiểu số;

2. Dân tộc có khó khăn đặc thù là dân tộc thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Quyết định này và có dân số dưới 10.000 người.”

Toàn văn Quyết định:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202208

4. Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng có hiệu lực ngày 26/02/2021.

Điều 3 Thông tư này quy định về mã số, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông và chuyên ngành quản lý, bảo vệ rừng như sau:

1. Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông

a) Khuyến nông viên chính (hạng II)

Mã số: V.03.09.25.

b) Khuyến nông viên (hạng III)

Mã số: V.03.09.26.

- | | |
|---|---------------------|
| c) Kỹ thuật viên khuyến nông (hạng IV) | Mã số: V.03.09.27. |
| 2. Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng | |
| a) Quản lý bảo vệ rừng viên chính (hạng II) | Mã số: V.03.10.28. |
| b) Quản lý bảo vệ rừng viên (hạng III) | Mã số: V.03.10.29. |
| c) Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng (hạng IV) | Mã số: V.03.10.30.” |
- Toàn văn Thông tư:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202248

5. Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp Ban hành Hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi có hiệu lực ngày 26/02/2021

Điều 7 Thông tư này quy định về Lưu trữ, quản lý sổ và hồ sơ nuôi con nuôi, cụ thể như sau:

“1. Sổ đăng ký nuôi con nuôi phải được cơ quan đăng ký nuôi con nuôi giữ gìn, bảo quản và lưu trữ vĩnh viễn để sử dụng, phục vụ nhu cầu của người dân và hoạt động quản lý nhà nước.

2. Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, hồ Sơ đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, hồ sơ và sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, có thể được lưu trữ điện tử tạo lập từ việc số hóa.

3. Cục Con nuôi, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tư pháp có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, khai thác sử dụng sổ, hồ sơ nuôi con nuôi, hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp phòng chống bão lụt, cháy, ẩm ướt, mối mọt để bảo đảm an toàn.”

Toàn văn Thông tư: <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=146299&dvid=41>

6. Thông tư số 173/2020/TT-BQP ngày 30/12/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có hiệu lực ngày 16/01/2020

Điều 8 Thông tư này quy định Chức danh có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng quy định tại Khoản 1 Điều 16 và Cảnh sát biển quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng
 - a) Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp không giữ chức vụ;

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ Bộ đội Biên phòng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP .

2. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

Cảnh sát viên là sĩ quan Cảnh sát biển Việt Nam được bổ nhiệm theo quy định của Thông tư số 177/2019/TT-BQP ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và mẫu giấy chứng nhận Cảnh sát viên, Trình sát viên Cảnh sát biển Việt Nam; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thu thập, phân tích, đánh giá, dự báo, tham mưu xử trí về tình hình an ninh, an toàn, chủ quyền biển đảo, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn phòng, chống tội phạm theo quy định của pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự.”

Toàn văn Thông tư:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202328

7. Thông tư số 19/2020/TT-BTNMT ngày 30/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục chất phân tán được phép sử dụng trong vùng biển Việt Nam và hướng dẫn về quy trình sử dụng chất phân tán trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển có hiệu lực ngày 15/02/2021

Toàn văn Thông tư:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202348

8. Thông tư số 14/2020/TT-BKHĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn về việc xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay trực tiếp của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa có hiệu lực ngày 25/02/2021

Toàn văn Thông tư:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202329

9. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường có hiệu lực ngày 25/02/2021

Điều 4 Thông tư này quy định về mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường như sau:

“1. Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

a) Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke:

- Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.
- Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.
- Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.

Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.

b) Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường là 15.000.000 đồng/giấy.

2. Tại khu vực khác (trừ các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke:

- Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy.
- Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.
- Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.

Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.

b) Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường là 10.000.000 đồng/giấy.

3. Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.”

Toàn văn Thông tư:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202545